

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN ĐƯỢC MÔ TẢ TRONG BẢN CÁO BẠCH NÀY LÀ QUỸ ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 144/2003/NĐ-CP NGÀY 28/11/2003 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ CÁC VẤN BẠN HƯỚNG DẪN THI HÀNH. BẢN CÁO BẠCH NÀY ĐÃ ĐƯỢC ĐĂNG KÝ VỚI ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC NGÀY ___ THÁNG ___ NĂM 2007.

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY PHÉP PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ QUỸ RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC XIN PHÉP LẬP QUỸ VÀ PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN, KHÔNG HÀM Ý BẢO ĐẢM VỀ NỘI DUNG CỦA BẢN CÁO BẠCH CŨNG NHƯ MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ.

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (VF1)

(Giấy phép thành lập và phát hành số 01/GP – QĐT do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

cấp ngày 24 tháng 03 năm 2004)

Ngày đăng ký Bản cáo bạch: ___ tháng ___ năm 2007.

BẢN CÁO BẠCH

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ 500 TỶ LÊN 1.000 TỶ ĐỒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (VF1)

Bản cáo bạch này được cung cấp tại:

Tp. Hồ Chí Minh

Công ty LD Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFM)

Lầu 8, Tòa nhà Bitexco, 19 – 25 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. HCM

Tel: (84-8) 914 3393 – Fax: (84-8) 914 3392

Email: info@vinafund.com

Website: www.vinafund.com

Hà Nội:

Công ty LD Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFM)

Lầu 7, Tòa nhà Sacombank, 88 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tel: (84-4) 942 8168 – Fax: (84-4) 942 8169

Email: info@vinafund.com

Website: www.vinafund.com

Chịu trách nhiệm về các thông tin:

Ông Trần Thanh Tân

Tổng Giám Đốc Công ty VFM

Địa chỉ: Công ty LD Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFM)
Lầu 8, Tòa nhà Bitexco, 19-25 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	3
II.	CÁC KHÁI NIỆM	4
III.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA QUỸ ĐẦU TƯ VF1	6
1.	Tổng quan về Quỹ đầu tư VF1.....	6
2.	Hoạt động kinh doanh của Quỹ đầu tư VF1 từ ngày 20/05/2004 đến ngày 31/12/2006	10
IV.	PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN QUỸ ĐẦU TƯ VF1	13
1.	Cơ sở pháp lý cho việc tăng vốn Quỹ đầu tư VF1	13
2.	Cơ hội thị trường.....	13
3.	Cơ hội đầu tư	15
4.	Nhu cầu vốn	17
5.	Phương án sử dụng vốn	17
6.	Phương thức tăng vốn	20
V.	CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN KHÁC	23
1.	Các khoản phí, thưởng	23
2.	Phương pháp định giá Giá trị tài sản ròng (NAV)	25
3.	Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận.....	25
4.	Giao dịch chứng chỉ quỹ.....	26
5.	Trường hợp ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ	27
6.	Xung đột về lợi ích giữa quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác	27
7.	Chế độ báo cáo	27
VI.	CÁC YẾU TỐ RỦI RO	28
1.	Rủi ro hệ thống.....	28
2.	Rủi ro về lãi suất thị trường.....	28
3.	Rủi ro về mất khả năng thanh toán	28
4.	Rủi ro về tính thanh khoản	28
5.	Rủi ro đầu tư tập trung	28
6.	Rủi ro cạnh tranh.....	29
7.	Rủi ro về chính sách, luật pháp.....	29
8.	Rủi ro quản lý	29
9.	Rủi ro về sự giảm sút giá trị tài sản ròng (NAV) của quỹ.....	29
10.	Rủi ro về biến động NAV và giá giao dịch chứng chỉ quỹ sau đợt tăng vốn.....	29
VII.	ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC.....	30

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

Tổ chức phát hành

Ông Phan Đào Vũ	Chủ tịch Ban đại diện Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VF1)
Ông Trần Thanh Tân	Tổng Giám đốc Công ty LD Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VFM)
Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh	Giám đốc Tài chính Công ty LD Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VFM)

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi đã được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

Tổ chức bảo lãnh phát hành

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Trụ sở chính: 94 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Điện thoại: (04) 943 3016 Fax: (04) 9433012
Email: bvsc@hn.vnn.vn
Website: www.bvsc.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tp. HCM

Trụ sở chính: Lầu 2, Tòa nhà Capital Place, 06 Thái Văn Lung, Quận 1, Tp. HCM.
Điện thoại: (08) 823 3299 Fax: (08) 823 3301
Website: www.hsc.com.vn

II. CÁC KHÁI NIỆM

Những từ dưới đây được định nghĩa và sẽ được dùng trong suốt Bản cáo bạch này:

Ban đại diện quỹ	Là những người đại diện cho người đầu tư được Đại hội người đầu tư bầu ra để thay mặt người đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ đầu tư VF1, Công ty quản lý quỹ VFM và ngân hàng giám sát
Bảo lãnh phát hành chứng chỉ quỹ	Là việc các đơn vị bảo lãnh phát hành cam kết với Quỹ đầu tư VF1 thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng chỉ Quỹ, nhận mua một phần hay toàn bộ chứng chỉ Quỹ để bán lại hoặc mua số chứng chỉ Quỹ còn lại chưa được phân phối hết của Quỹ đầu tư VF1
Chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1	Là chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ do công ty quản lý quỹ VFM đại diện cho Quỹ đầu tư VF1 phát hành, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ đầu tư VF1 theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị quỹ của người đầu tư đó trong vốn điều lệ của Quỹ đầu tư VF1.
Công ty Ernst & Young	Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam
Công ty VFM	Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam
Cổ tức quỹ	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Người đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của người đầu tư.
Dragon Capital	Công ty Dragon Capital Managment
Đại hội người đầu tư	Là đại hội của người đầu tư có quyền biểu quyết và được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ đầu tư VF1. Đại hội người đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ đầu tư VF1
Đơn vị quỹ	Là vốn điều lệ quỹ được chia thành nhiều phần bằng nhau với mệnh giá 10.000 đồng/ đơn vị.
Tổ chức bảo lãnh phát hành	Là công ty chứng khoán được phép hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận.
Giá trị tài sản ròng của quỹ	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ đầu tư VF1 sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ đầu tư VF1 tại thời điểm định giá.
Ngày đóng quỹ	Là ngày kết thúc việc huy động vốn cho quỹ đầu tư VF1 được UBCKNN chấp thuận.
Người đầu tư hiện hữu	Là những người đầu tư pháp nhân, cá nhân trong nước và ngoài nước đang nắm giữ chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 vào ngày chốt danh sách người đầu tư có quyền mua chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 của đợt tăng vốn thực hiện theo Bản cáo bạch này.
Quỹ đầu tư VF1	Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam
Quỹ đầu tư chứng khoán đóng	Là quỹ đầu tư chứng khoán trong đó người đầu tư không được quyền bán lại chứng chỉ quỹ đầu tư cho quỹ trước thời hạn kết thúc hoạt động hoặc giải thể

Sacombank	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín
Thời điểm định giá	Ngày làm việc cuối cùng mỗi tháng hoặc những ngày khác mà Ban đại diện Quỹ đầu tư VF1 xác định để định giá giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VF1.
Thường hoạt động	Là khoản thường được Quỹ đầu tư VF1 trả thêm cho công ty quản lý quỹ VFM ngoài phí quản lý.
Thanh toán	Là việc công ty VFM tiến hành bán các khoản đầu tư của Quỹ đang nắm giữ để thực hiện việc thu lợi tức hoặc tiến hành thu hồi vốn để tiến hành việc đầu tư khác.
Thành viên lưu ký	Là công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại Nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép lưu ký để cung cấp dịch vụ lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán đã đăng ký làm thành viên lưu ký tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.
TTGDCK	Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Vốn điều lệ quỹ	Là số tổng vốn bằng tiền do tất cả Người đầu tư thực góp và được ghi trong Điều lệ Quỹ.
Vietcombank	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam

Các khái niệm khác (nếu có) sẽ được hiểu theo quy định tại Luật chứng khoán ngày 29/6/2006 của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật khác liên quan.

III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA QUỸ ĐẦU TƯ VF1

1. Tổng quan về Quỹ đầu tư VF1

1.1 Quá trình hình thành và phát triển:

Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam là quỹ đầu tư chứng khoán đóng, được thành lập ngày 24/03/2004 theo Giấy phép lập quỹ và phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng số 01/GP-QĐT của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Theo giấy phép này, vốn điều lệ được phép huy động của quỹ là 300 tỷ đồng, tương ứng với 30 triệu đơn vị quỹ, mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá 10.000 đồng.

Từ ngày 24/03/2004 đến ngày 10/04/2004, Quỹ đầu tư VF1 bắt đầu huy động vốn từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Tại thời điểm đóng quỹ vào ngày 10/04/2004, quỹ đã huy động được 300 tỷ đồng vốn điều lệ với sự tham gia của 1.064 nhà đầu tư, trong đó, có 1.046 cá nhân, chiếm 53% vốn góp và 18 tổ chức, chiếm 47% vốn góp.

Ngày 20/05/2004, Quỹ đầu tư VF1 chính thức đi vào hoạt động với Giấy phép số 01/UBCK-ĐKQĐT do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Ngày 22/09/2004, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép niêm yết số 01/UBCK – NYQĐT cho Quỹ đầu tư VF1. Chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 được chính thức giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 08/11/2004.

Với những cơ hội đầu tư từ quá trình cổ phần hoá DNNN và sự phát triển của TTCK, Quỹ đầu tư VF1 đã nâng vốn điều lệ của Quỹ thêm 200 tỷ đồng, nâng tổng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng theo giấy phép số 468/QĐ-UBCKNN do UBCKNN cấp ngày 05/07/2006.

Ngày 14/11/2006, Chủ tịch UBCKNN đã cấp phép niêm yết bổ sung chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 trên TTGDCK Tp. HCM theo số 694/QĐ-UBCK. Tổng số lượng chứng chỉ quỹ là 20 triệu đơn vị đã được giao dịch chính thức vào ngày 16/10/2006 và 20/11/2006.

Qua hơn 2 năm rưỡi hoạt động, Quỹ đầu tư VF1 đã chứng minh được sự tăng trưởng ổn định ở giá trị tài sản ròng, nắm bắt được cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp cổ phần hóa và cổ phiếu niêm yết tại TTGDCK Tp. HCM và TTGDCK Hà Nội. Cuối tháng 12/2006, giá trị tài sản ròng (NAV) đạt 31.281 đồng/đơn vị quỹ và giá giao dịch của Quỹ đầu tư VF1 đã đạt mức 35.800 đồng/đơn vị.

1.2 Thông tin chính về quỹ đầu tư VF1:

Tên Quỹ:	Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam
Tên tiếng Anh:	Vietnam Securities Investment Fund
Tên viết tắt:	Quỹ đầu tư VF1
Tên giao dịch:	VFMVF1
Hình thức Quỹ:	Quỹ đầu tư chứng khoán đóng
Vốn điều lệ:	500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng)
Mệnh giá:	10.000 đồng/đơn vị quỹ
Số lượng đơn vị Quỹ:	50.000.000 (Năm mươi triệu)
Thời hạn hoạt động:	10 năm
Mục tiêu đầu tư:	Đầu tư vào các cổ phiếu có tiềm năng phát triển sẽ và đang niêm yết, các chứng khoán nợ khác nhằm cân bằng và giảm thiểu rủi ro.
Đối tượng nhà đầu tư:	Pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước
Giấy phép phát hành chứng	Giấy phép số 01/GP-QĐT ngày 24/03/2004 do UBCKNN

Chỉ quỹ ra công chúng:	cấp.
Giấy phép hoạt động của quỹ:	Giấy phép số 01/UBCK-ĐKQĐT ngày 20/05/2004 do UBCKNN cấp.
Giấy phép niêm yết chứng chỉ quỹ:	Giấy phép số 01/UBCK - NYQĐT ngày 22/09/2004 do UBCKNN cấp.
Giấy phép tăng vốn điều lệ quỹ:	Giấy phép số 468/QĐ-UBCK ngày 05/07/2006 do UBCKNN cấp.
Giấy phép niêm yết bổ sung chứng chỉ quỹ:	Giấy phép số 694/QĐ-UBCK ngày 14/11/2006 do UBCKNN cấp.
Công ty quản lý quỹ:	Công ty LD Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VFM)
Ngân hàng giám sát:	Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
Công ty kiểm toán:	Công ty Kiểm toán Ernst & Young.
Chính sách cổ tức:	Hàng năm, dựa trên cơ sở cổ tức từ các khoản đầu tư.
Định giá tài sản ròng (NAV):	Hàng tuần, thông báo trên bản tin TTCK và trang web.
Phí:	- Phí quản lý: 2%/ NAV/ năm, - Phí giám sát & lưu ký: 0,12%/ NAV/ năm, - Thuởng hoạt động & các phí khác.

1.3 Ban đại diện quỹ, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các bên có liên quan

a. Ban đại diện Quỹ đầu tư VF1

Ban đại diện của Quỹ đầu tư VF1 năm 2007 bao gồm 07 (bảy) thành viên như sau:

- | | |
|---------------------------|----------------|
| (1) Ông Phan Đào Vũ | - Chủ tịch |
| (2) Bà Huỳnh Quế Hà | - Phó Chủ tịch |
| (3) Ông Nguyễn Thanh Hùng | - Phó Chủ tịch |
| (4) Ông Hoàng Kiên | - Thành viên |
| (5) Ông Lê Văn Phú | - Thành viên |
| (6) Ông Phan Minh Tuấn | - Thành viên |
| (7) Ông Đặng Thái Nguyên | - Thành viên |

Thông tin chi tiết về các thành viên Ban đại diện quỹ:

(1) Ông Phan Đào Vũ - Chủ tịch

Ông Vũ từng là Ủy viên Hội đồng quản trị và Phó Tổng Giám Đốc thứ nhất của Ngân hàng Indovina tại Việt Nam. Ông cũng đã có nhiều năm công tác tại Ngân hàng Trung Ương và đảm trách các chức vụ quan trọng tại Ngân hàng Công thương Việt Nam. Hiện nay, Ông Vũ là Trưởng ban trụ bị cho việc thành lập Ngân hàng TMCP Công nghiệp & Dịch vụ Việt Nam và sẽ là Tổng giám đốc ngân hàng này sau khi thành lập.

Ông Vũ là cử nhân kinh tế đã qua nhiều khóa đào tạo về chuyên môn và quản lý trong và ngoài nước. Ông cũng đã nhận bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của Đại học Hawaii tại Hoa Kỳ.

(2) Bà Huỳnh Quế Hà - Phó Chủ tịch thường trực

Bà Huỳnh Quế Hà là người đại diện cho vốn đầu tư của ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) vào Quỹ đầu tư VF1.

Bà hiện đang là Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Quản Trị của Ngân hàng Sacombank, đồng thời bà cũng giữ vị trí Phó Chủ tịch HĐQT công ty chứng khoán Đệ Nhất. Trước khi gia nhập đội ngũ cán bộ quản trị cao cấp của ngân hàng, bà Hà từng giữ chức vụ Trưởng phòng Xuất Nhập Khẩu công ty Donabochang; Trợ lý kiêm Trưởng phòng tài chính công ty ProSun; Giám đốc kinh doanh công ty SunSCO.

(3) Ông Nguyễn Thanh Hùng - Phó Chủ tịch

Ông Nguyễn Thanh Hùng là người đại diện cho vốn đầu tư của Sovico Group vào Quỹ đầu tư VF1. Ông Hùng đã nhận được bằng tiến sĩ tại Nga và hiện nay đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Sovico Group.

(4) Ông Hoàng Kiên - Thành viên

Ông Hoàng Kiên là người đại diện cho vốn đầu tư của Quỹ Vietnam Enterprise Investment Ltd. (VEIL) vào Quỹ đầu tư VF1. Ông Kiên đã từng công tác tại PetroVietnam phụ trách các hoạt động giao dịch quốc tế. Hiện nay, ông Kiên là Giám đốc nghiệp vụ quản lý danh mục đầu tư của Quỹ VEIL mà Công ty Dragon Capital quản lý.

(5) Ông Lê Văn Phú - Thành viên

Ông Lê Văn Phú là người đại diện cho vốn đầu tư của Ngân hàng Indovina vào Quỹ đầu tư VF1. Tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế tại Trường Đại học Tổng hợp London, Ông Phú đã có nhiều năm kinh nghiệm ở phòng tín dụng, phòng kinh doanh ngoại tệ của Ngân hàng Công thương Việt Nam. Ông Phú đã từng là Phó Tổng giám đốc Công ty cho thuê Tài chính Quốc tế (VILC) trước khi về làm Phó Tổng Giám đốc thứ nhất cho Ngân hàng Indovina.

(6) Ông Phan Minh Tuấn - Thành viên

Ông Phan Minh Tuấn là người đại diện cho vốn đầu tư của Công ty Dragon Capital vào Quỹ đầu tư VF1. Tốt nghiệp trường Đại học Xây dựng Dân dụng Kharkov (Liên Xô cũ) năm 1976 với bằng ưu trong ngành Xây dựng dân dụng và tốt nghiệp Thạc sĩ khoa học năm 1982 tại Học viện Delt (Hà Lan). Ông Tuấn từng là chuyên gia quản lý - cố vấn kỹ thuật trong một số dự án của Bộ Xây dựng Việt Nam; là Giám đốc Dự án cho Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI). Trước khi tham gia vào Dragon Capital, ông Tuấn đã làm việc tại Peregrine Capital Việt Nam với chức vụ Giám đốc Chi nhánh Hà Nội. Hiện nay, ông Tuấn giữ vai trò Giám đốc kiêm Trưởng đại diện Công ty Dragon Capital tại Hà Nội.

(7) Ông Đặng Thái Nguyên - Thành viên

Ông Đặng Thái Nguyên là người đại diện cho vốn đầu tư của Ngân hàng TMCP Bắc Á vào Quỹ đầu tư VF1. Ông Nguyên hiện đang là Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Bắc Á tại Thanh Hóa.

Ông Nguyên đã từng giữ các vị trí cao, quan trọng trong Ngân hàng Bắc Á.

b. Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFM)

Công ty Liên doanh quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam là một liên doanh giữa Dragon Capital Management và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, được thành lập theo Giấy phép số 01/GPĐT-UBCKNN ngày 15/07/2003 của UBCKNN. Công ty quản lý quỹ VFM là công ty quản lý quỹ chính thức của Quỹ đầu tư VF1. Công ty hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật đầu tư nước ngoài và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Công ty quản lý quỹ VFM là công ty liên doanh đầu tiên tại Việt Nam chuyên về quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư.

Ban điều hành công ty quản lý quỹ VFM:

- | | |
|--------------------------------|---|
| (1) Ông Trần Thanh Tân | - Tổng Giám đốc |
| (2) Bà Đỗ Sông Hồng | - Phó Tổng Giám đốc (phụ trách đầu tư) |
| (3) Ông Phạm Khánh Linh | - Giám đốc Phát triển Kinh doanh (phụ trách huy động vốn) |
| (4) Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh | - Giám đốc Tài chính (phụ trách tài chính, kế toán và thanh toán) |

Thông tin chi tiết về các thành viên Ban điều hành Công ty quản lý quỹ VFM

(1) Ông Trần Thanh Tân - Tổng Giám Đốc

Ông Trần Thanh Tân nhận bằng MBA của Trường Đại học Tự Do Brusselle (Bỉ). Ông Tân đã có kinh nghiệm làm việc hơn 13 năm trong lĩnh vực đầu tư, chứng khoán, cổ phần hóa và thị trường vốn tại Việt Nam. Năm 1994, ông là một trong những người đứng ra thành lập công ty Dragon Capital Group và giữ chức vụ Giám đốc phụ trách đầu tư và thị trường vốn, trong quá trình đó ông đã tham gia vào nhiều thương vụ đầu tư thành công của công ty Dragon Capital tại Việt Nam như: Phát hành thành công 5 triệu USD trái phiếu chuyển đổi cho công ty cổ phần REE, tư vấn hoàn tất chương trình cổ phần hóa cho gần 20 doanh nghiệp tại Việt Nam như: Công ty CP Hiệp An, Công ty CP Thức ăn Gia súc (Vifoco), Công ty CP Đồ Hộp Hạ Long, Công ty CP Lafooco, Công ty CP Vành Xăng Dầu, Công ty CP Chất Đốt Thành phố, Công ty CP Thủy Sản số 4 và nhiều doanh nghiệp cổ phần hóa của nhà nước và tư nhân khác. Ngoài ra, ông Tân còn giữ nhiều vị trí quản trị cao cấp tại một số công ty cổ phần này.

Ông Trần Thanh Tân được Công ty Dragon Capital cử sang làm Tổng Giám Đốc Công ty VFM.

(2) Bà Đỗ Sông Hồng - Phó Tổng Giám Đốc

Bà Đỗ Sông Hồng tốt nghiệp Cao học về Tài chính tại trường Đại học Golden Gate, San Francisco, California (Hoa Kỳ) vào năm 2000. Bà Đỗ Sông Hồng đã từng tham gia làm việc tại Ngân hàng Sacombank từ năm 2000 đến nay. Trong thời gian làm việc tại Sacombank, bà Hồng từng phụ trách các chức vụ cao cấp tại các phòng ban khác nhau của hệ thống ngân hàng. Bà Hồng còn có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động về tài chính, đầu tư, cổ phần hóa và thị trường vốn tại Việt Nam.

Bà Đỗ Sông Hồng được ngân hàng Sacombank chính thức cử sang làm Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Đầu tư của Công ty VFM.

(3) Ông Phạm Khánh Linh – Phó Tổng Giám Đốc

Ông Phạm Khánh Linh tốt nghiệp Cao học Tài chính - Kế toán của Trường Đại học Swinburne (Úc). Ông nguyên là Giám đốc Giao dịch và Phát triển thị trường tại Công ty Chứng khoán Ngân hàng Á Châu (ACBS) và có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh và đầu tư chứng khoán.

Ông Lynch tham gia vào Công ty VFM với tư cách là Giám đốc Phát triển Kinh doanh vào năm 2003 và chịu trách nhiệm chính trong việc huy động vốn cho Quỹ đầu tư VF1. Ngoài ra, ông đang triển khai xây dựng, phát triển các sản phẩm tài chính mới, và tham gia sắp xếp nhiều thương vụ đầu tư của Công ty VFM. Ông Lynch được Hội đồng Quản trị đề cử là Phó Tổng Giám đốc kể từ năm 2007 nhằm mở rộng và phát triển các sản phẩm quỹ đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

(4) Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh – Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính - Kế toán tại trường Đại học Tài chính Kế toán Tp. HCM năm 1993 và tốt nghiệp chuyên ngành Luật tại trường Đại học Luật Tp. HCM năm 2002 cùng với nhiều khóa đào tạo chuyên sâu về tài chính, kiểm toán tại Vương quốc Anh và Bộ Tài chính. Ông được Bộ Tài chính cấp bằng Kiểm toán viên Độc lập (CPA) năm 1999 và đang hoàn tất giai đoạn cuối chứng chỉ ACCA của Vương quốc Anh. Với hơn 12 năm kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán, ông đã từng trải qua các chức vụ quan trọng khác nhau như Giám đốc Tài chính, Kiểm toán viên tại các công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Với vai trò là Giám đốc Tài chính tại Công ty VFM, ông Khánh đảm nhiệm việc xây dựng và thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ và các chính sách tài chính lành mạnh trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực và các quy định pháp luật có liên quan nhằm đảm bảo tính trung thực và hợp lý của các báo cáo tài chính, cung cấp thông tin đáng tin cậy phục vụ cho việc đề ra các quyết định của người đầu tư.

c. Ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát của Quỹ đầu tư VF1 là Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank). Vai trò của ngân hàng giám sát là bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đầu tư VF1; thực hiện việc định giá giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VF1; giám sát hoạt động của Quỹ đầu tư VF1 và Công ty quản lý quỹ VFM theo giấy phép số 14/GPHDLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02/05/2005.

d. Công ty kiểm toán

Công ty kiểm toán của Quỹ đầu tư VF1 là Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ đầu tư VF1 và hoạt động quản lý của công ty VFM để bảo đảm tính chính xác các số liệu báo cáo cho người đầu tư.

e. Công ty tư vấn luật

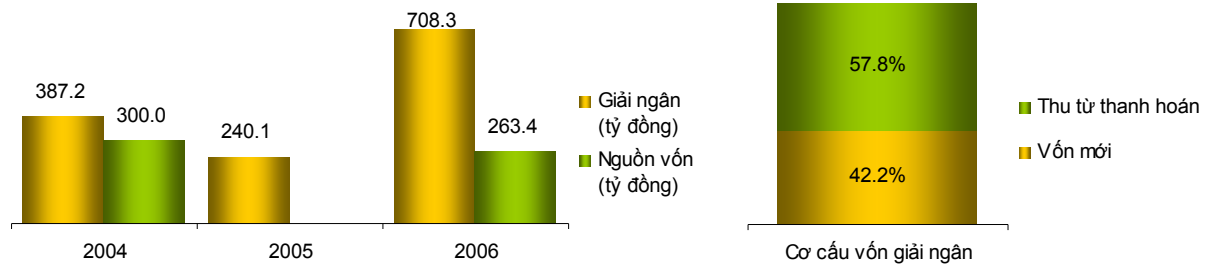
Nhằm đảm bảo cho hoạt động đầu tư của Quỹ đầu tư VF1 theo đúng các quy định của UBCKNN và luật pháp, đồng thời giám sát, quản lý chặt chẽ nhằm giảm thiểu rủi ro và bảo vệ lợi ích của người đầu tư, các hoạt động đầu tư của Quỹ đầu tư VF1 sẽ được công ty Luật Vilaf – Hồng Đức tư vấn. Đây là một trong các công ty luật chuyên về thương mại đầu tiên của Việt Nam được đánh giá cao trong lĩnh vực ngân hàng và tư vấn những thương vụ tài chính lớn.

2. Hoạt động kinh doanh của Quỹ đầu tư VF1 từ ngày 20/05/2004 đến ngày 31/12/2006

2.1 Tình hình giải ngân vốn

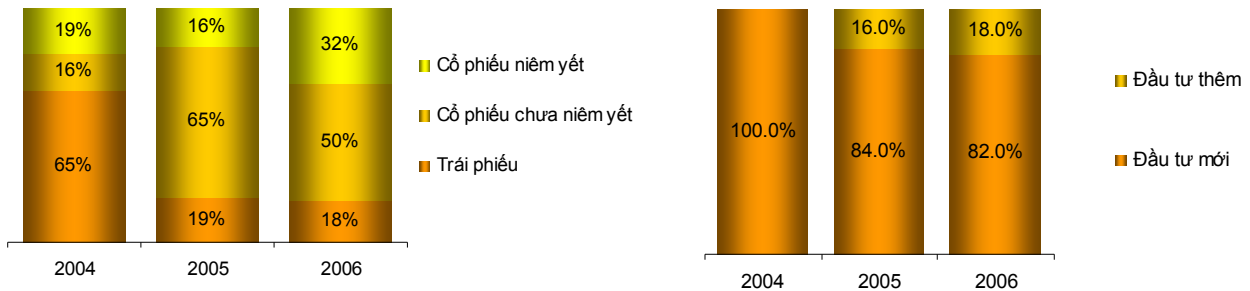
a. Quy mô giải ngân:

Qua gần 3 năm hoạt động, từ 20/05/2004 đến 31/12/2006, Quỹ đầu tư VF1 đã giải ngân nguồn vốn tổng cộng 1.335,6 tỷ đồng, gấp 2,4 lần so với tổng nguồn vốn bao gồm vốn huy động ban đầu và nguồn vốn tăng thêm vào tháng 10/2006.

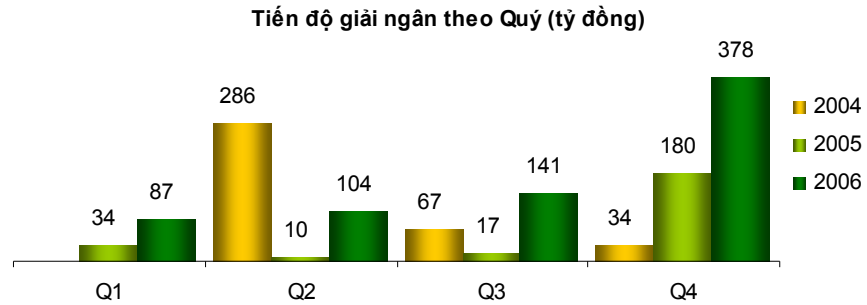


b. Cơ cấu giải ngân:

Cơ cấu giải ngân của Quỹ đầu tư VF1 trong thời gian qua thể hiện đúng theo định hướng, chiến lược đầu tư của Quỹ: ưu tiên đầu tư vào các dự án cổ phần hóa và các công ty chưa niêm yết có hoạt động tốt, khả năng tăng trưởng mạnh và được niêm yết trong thời gian ngắn.

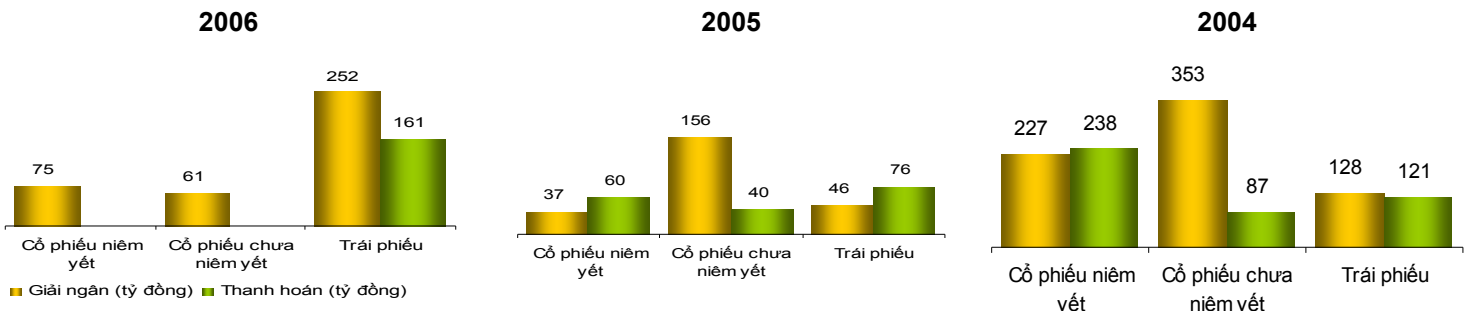


c. Tiến độ giải ngân:

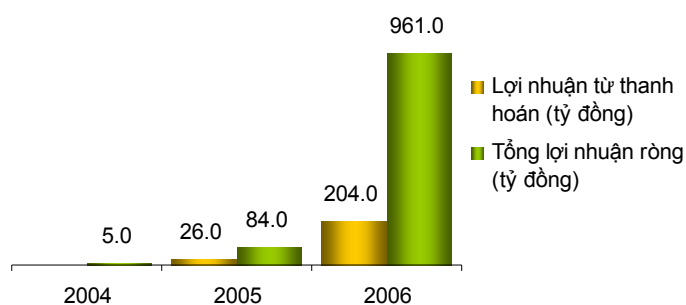


2.2 Tình hình thanh toán các khoản đầu tư

a. Quy mô thanh toán:



b. Lợi nhuận thực thu từ thanh toán:



2.3 Kết quả hoạt động

a. Lợi nhuận:

Đơn vị: triệu đồng

	2006	2005	7 tháng 2004
Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện	86.078	30.616	8.133
Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện	875.466	53.701	(3.397)
LỢI NHUẬN TRONG KỲ	961.544	84.317	4.736

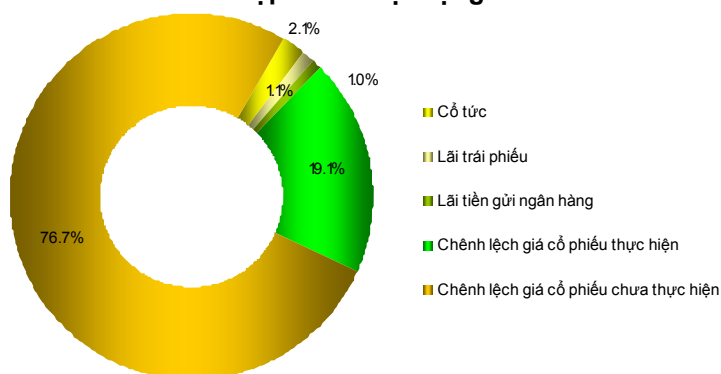
b. Giá trị tài sản ròng (NAV):

	Tại ngày 31/12/2006	Tại ngày 31/12/2005	Tại ngày 31/12/2004
Quy mô quỹ (tỷ đồng)	1.564,1	381,6	304,7
NAV/đvq (đồng)	31.281	12.718	10.158
Tăng trưởng so với đầu năm (%)	146,0	25,20	1,58
Tăng trưởng lũy kế (%)	212,8	27,18	1,58

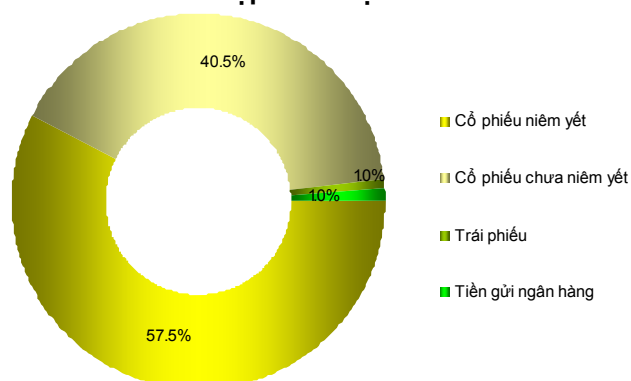
c. Cơ cấu thu nhập:

Lũy kế từ 20/07/2004 đến 31/12/2006

Thu nhập theo hoạt động đầu tư



Thu nhập theo loại hình đầu tư



IV. PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN QUỸ ĐẦU TƯ VF1

1. Cơ sở pháp lý cho việc tăng vốn Quỹ đầu tư VF1

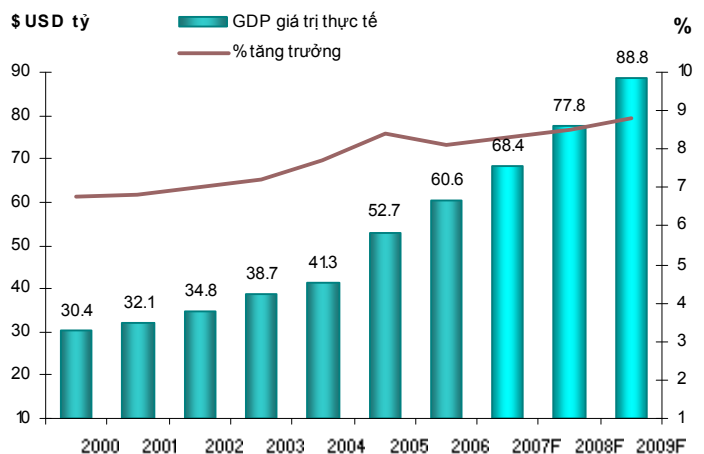
Việc tăng vốn của quỹ đầu tư và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh chủ yếu của:

1. Luật Chứng khoán ban hành ngày 29/06/2006 và có hiệu lực vào ngày 01/01/2007 có quy định về việc tăng vốn của quỹ đóng tại Điều 94, Chương 7.
2. Điều 43 của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư VF1 quy định “Quỹ đầu tư VF1 có thể tăng vốn thông qua việc phát hành chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 mới trên thị trường chứng khoán. Việc tăng vốn phải tuân thủ các quy chế có liên quan của UBCKNN”.
3. Biên bản biểu quyết thông qua việc tăng vốn điều lệ của Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VF1) bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản từ ngày 14/12/2006 đến 25/12/2006 với kết quả đồng ý thông qua là 67,85% tổng số vốn điều lệ có quyền biểu quyết.
4. Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

2. Cơ hội thị trường

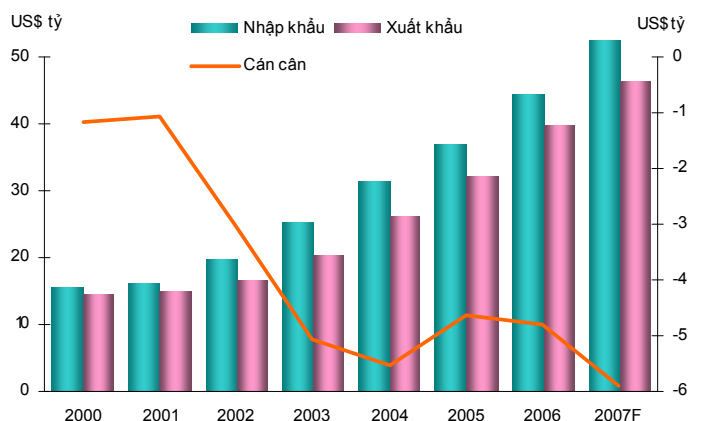
2.1 Triển vọng kinh tế Việt Nam

- Kinh tế Việt Nam phát triển khả quan trong năm 2006 với mức tăng trưởng 8,2%, GDP bình quân đầu người 720 USD, tổng nguồn vốn đầu tư xã hội đạt 41%/GDP. Việt Nam tiếp tục là một trong những nước có mức độ kinh tế tăng trưởng cao nhất khu vực châu Á (chỉ đứng sau Trung Quốc).
- Bên cạnh mức tăng trưởng cao về kinh tế thì tỷ lệ lạm phát trong năm 2006 cũng được kiềm chế ở mức 6.6%, thấp hơn hai năm 2004-2005.



Nguồn: Tổng Cục Thống Kê

- **Hoạt động xuất khẩu** năm 2006 vẫn trên đà tăng trưởng cao, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 39,605 tỷ USD, tăng 22,1% so với năm 2005. Trong đó, khu vực đầu tư nước ngoài tiếp tục dẫn đầu cả về tỷ lệ đóng góp và tăng trưởng tương ứng với 22,865 tỷ USD và tăng 23,2%. Trong các thị trường xuất khẩu, Mỹ vẫn tiếp tục dẫn đầu với 7,9 tỷ USD, EU 7,1 tỷ USD và Nhật Bản 5,1 tỷ USD... các thị trường trọng yếu này vẫn có mức tăng trưởng từ 20 - 35%. Xuất khẩu đóng góp trên 50% GDP cả nước, điều này cho thấy sự tăng trưởng xuất khẩu có ý nghĩa rất quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế chung.

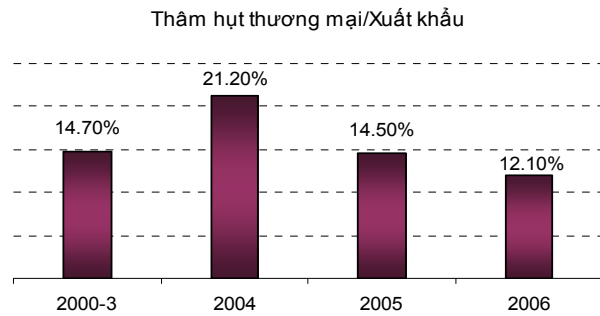


Nguồn: Tổng Cục Thống Kê

- Tỷ lệ nhập siêu năm 2006 ở mức 12,1%, thay vì 14,5% ở cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ nhập siêu giảm phản ánh năng lực cạnh

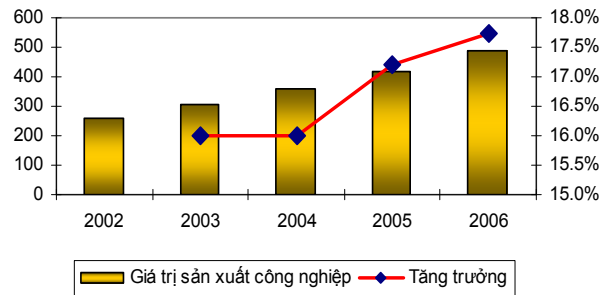
tranh của toàn nền kinh tế và đây được xem là một bước chuẩn bị thực chất cho cuộc hội nhập Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (WTO) sắp tới.

Bước sang năm 2007 là năm đầu tiên Việt Nam gia nhập WTO, trong đó đòi hỏi Việt Nam phải tuân thủ ngay lập tức các hiệp định nghiêm ngặt của WTO. Bên cạnh đó, các rào cản thương mại cũng sẽ được dựng lên với hàng hóa của Việt Nam – như một tất yếu trong nền kinh tế toàn cầu. Dự báo tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 17,4% so với năm 2006, khoảng 46,5 tỷ USD.



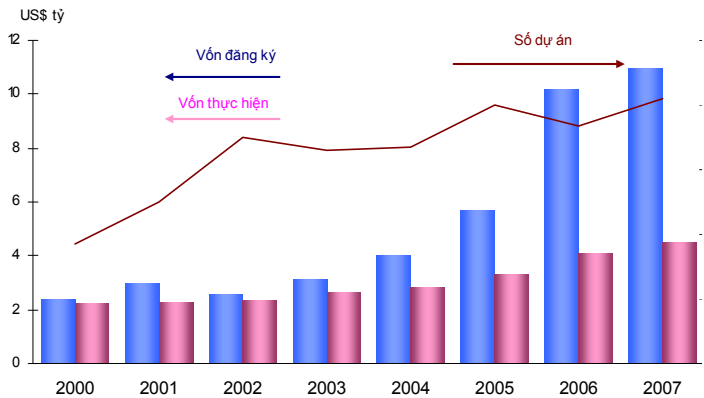
Nguồn: Tổng Cục Thống Kê

- Sản lượng công nghiệp năm 2006 đạt 491 nghìn tỷ đồng, tăng 17,74% so với năm 2005; trong đó khu vực nhà nước tăng 12,2%, khu vực tư nhân tăng 23,0%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 19,0%.
- Dự báo tăng trưởng giá trị công nghiệp trong giai đoạn 2006-2010 duy trì trung bình khoảng 15.5%, trong đó cao nhất vào khoảng 2007-2008.

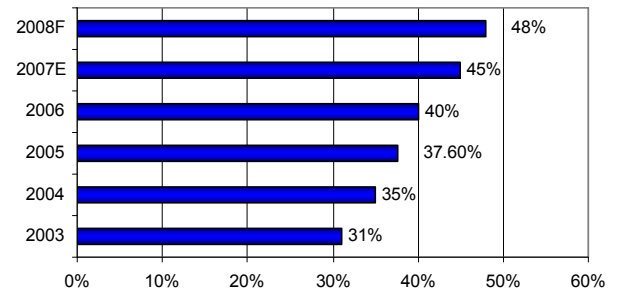


Nguồn: Tổng Cục Thống Kê, Bộ Công Nghiệp

- Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)** vào Việt Nam năm 2006 đạt con số kỷ lục 10,2 tỷ USD. Đây là mức thu hút vốn FDI cao nhất kể từ khi có Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1997 đến nay. Kết quả ấn tượng này tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng của đầu tư trực tiếp nước ngoài trong nền kinh tế Việt Nam và góp phần tạo đà tăng trưởng cao đối với hoạt động đầu tư nước ngoài trong những năm tới.
- Lượng FDI thu hút vào năm 2007 dự kiến là 11 tỷ USD, trong đó 75% lượng vốn thu hút được từ các dự án mới và 25% từ các dự án đang thực hiện. Nguồn FDI được giải ngân trong năm 2007 dự kiến tăng từ 4.1 tỷ USD lên 4.5 tỷ USD.
- Tổng đầu tư tiếp tục tăng cho thấy môi trường kinh doanh ở Việt Nam được cải thiện. Tỷ lệ vốn đầu tư/GDP của Việt Nam đứng ở vị trí cao so với các nước trong khu vực: 2006 đạt 40% GDP tăng khá so với mức 29% vào năm 1998



Đầu tư/GDP



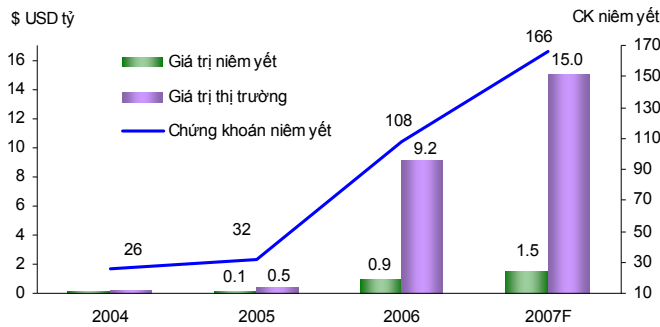
Nguồn: Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư

Môi trường kinh doanh trong những năm sắp tới có nhiều chuyển biến theo hướng tích cực thông qua các cam kết mở cửa thị trường trong khuôn khổ WTO và các cam kết thương mại song phương và đa phương khác. Chính phủ cam kết cải thiện môi trường kinh doanh thông qua cải cách hành chính, minh bạch hóa thủ tục kinh doanh, giảm các giấy phép con, đổi mới cơ chế quản lý đất đai, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống tư pháp, ... Từ đó có thể dự báo Việt Nam tiếp tục tăng trưởng trong giai

đoạn 2007 – 2008 ở mức 8.2 – 8.5% tương đương 70 tỷ USD, GDP bình quân đầu người vào khoảng 820 USD. Nhu cầu trong nước tăng và xuất khẩu đạt mức cao là những nhân tố chính thúc đẩy sự phát triển. Mặc dù phải đối phó với một số nguy cơ như tín dụng tăng mạnh, lạm phát, thiếu năng lượng ... tuy nhiên việc giảm rào cản thuế suất đối với các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam khi gia nhập WTO sẽ là một lợi thế cho hoạt động xuất khẩu. Dù vậy, các doanh nghiệp Việt nam cũng cần một khoảng thời gian nhất định để thâm nhập vào thị trường các nước. Trong thời gian trước mắt, Việt Nam có thể thu hút luồng vốn đầu tư nước ngoài từ các công ty đa quốc gia để tạo ra mức tăng trưởng cao.

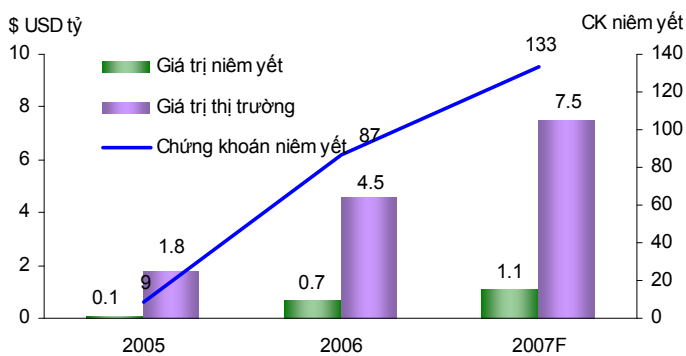
2.2 Tăng trưởng của thị trường chứng khoán

TTGDCK Tp. HCM



Nguồn: TTGDCK Tp. HCM & dự báo của VFM

TTGDCK Hà Nội



Nguồn: TTGDCK Hà Nội & dự báo của VFM

Như nhiều thị trường mới phát triển ở châu Á, thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2006 chứng kiến những đợt thăng hoa ngoạn mục, trong đó đặc biệt là chỉ số của hai sàn Tp.HCM và Hà Nội có biến động lớn và liên tục lập những kỷ lục mới. Chỉ số VN-Index của sàn Tp.HCM đã có lúc xuống mức thấp nhất 304,23 điểm và tăng lên mức cao nhất 809,86 điểm (ngày 20/12). Chỉ số Hasc-Index của sàn Hà Nội cũng biến động không kém, từ mức thấp nhất 89,93 điểm tăng lên mức cao nhất 258,78 điểm. Vốn hóa thị trường cổ phiếu tăng vọt từ 1% GDP (vào cuối năm 2005) lên mức 22.6% GDP tương đương 14 tỷ USD cuối năm 2006. Về thị trường trái phiếu hiện nay có gần 400 loại trái phiếu niêm yết với tổng giá trị trên 4 tỷ USD, bằng 7,7% GDP. Số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán tăng từ 30.000 (cuối năm 2005) lên hơn 100.000 tài khoản trong năm 2006, trong đó nhà đầu tư nước ngoài chiếm gần 2% và đang nắm giữ khoảng 25-30% cổ phiếu niêm yết. Doanh thu giao dịch tăng mạnh đã kéo theo mảng dịch vụ phát triển theo. Riêng trong năm 2006, Ủy ban

Chứng khoán Nhà nước đã cấp phép cho 41 công ty chứng khoán mới, 76 công ty niêm yết cổ phiếu tại sàn Tp.HCM (trong đó có 1 quỹ đầu tư niêm yết chứng chỉ quỹ) và 88 công ty tại sàn Hà Nội, 18 công ty quản lý quỹ, 6 ngân hàng hoạt động ngân hàng lưu ký.

Với đà tăng trưởng này dự báo quy mô TTCK sẽ tiếp tục tăng trong 5 năm tới và dự kiến giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu năm 2007 sẽ đạt gần 40% GDP. Số lượng nhà đầu tư sẽ tăng gấp 3 - 4 lần, đạt khoảng 250.000 - 300.000 tài khoản giao dịch chứng khoán.

3. Cơ hội đầu tư

3.1 Cơ hội đầu tư vào các công ty niêm yết:

Với khả năng được nâng cấp lên Sở Giao Dịch chứng khoán trong năm 2007, TTGDCK Tp. HCM cùng với TTGDCK Hà Nội sẽ là nơi thu hút nguồn vốn đầu tư rất lớn. Theo thống kê của VAFI, số công ty niêm yết và đăng ký giao dịch dự kiến năm 2007 là 100 công ty, nâng tổng giá trị vốn hóa cổ phiếu lên gần 40% GDP.

3.2 Cơ hội đầu tư vào các công ty cổ phần hóa:

Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam năm 2007 được đánh giá là có triển vọng do sự tác động của các yếu tố đề cập ở trên. Các doanh nghiệp coi đây là cơ hội tốt để tái cơ cấu và huy động vốn, thúc

đẩy hoạt động kinh doanh. Năm 2007, số lượng các doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia cổ phần hóa được dự báo có sự tăng trưởng đáng kể.

Doanh nghiệp Nhà nước:

- Tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được thực hiện từ đầu những năm 1990. Tuy nhiên, tiến trình này mới được đẩy mạnh trong những năm gần đây do sức ép của nhu cầu đổi mới kinh tế. Tính đến năm 2006, dự kiến có khoảng 3.500 doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa.
- Giai đoạn 2006 – 2010, Chính phủ sẽ tiến hành cổ phần hóa khoảng 1.500 doanh nghiệp nhà nước trong tổng số 2.176 doanh nghiệp với tổng vốn 260.000, tập trung nhiều nhất vào hai năm 2007 và 2008. Đặc biệt, Chính phủ đẩy mạnh cổ phần hóa các doanh nghiệp trong ngành ngân hàng, bảo hiểm, viễn thông, điện lực, hàng tiêu dùng ...

Một số công ty dự kiến cổ phần hóa trong năm 2007- 2008

	Tên công ty	Năm	Vốn (tỷ đồng)
1	Công ty Thông tin di động (Mobifone)	2007	26.672
2	Công ty viễn thông Quân đội (Viettel)	2007	16.000
3	Ngân hàng ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	2007	12.800
4	Ngân hàng Phát triển nhà ĐBSCL (MHB)	2007	700
5	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV)	2007	8.528
6	Ngân hàng Công thương Việt Nam (Incombank)	2007	5.328
7	TCT Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (Habeco)	2007	2.000
8	TCT Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco)	2007	5.500
9	Tổng Công Ty Bảo hiểm Việt Nam	2007	3.728
10	Công ty Đạm Phú Mỹ	2007	3.800
11	Công ty Dịch vụ viễn thông (Vinaphone)	2008	23.360
12	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank)	2008	19.200
13	Tổng công ty Dệt may (Vinatex)	2008	1.000
	Tổng cộng		128.616

Nguồn: Dự báo VFM

- Các doanh nghiệp lớn sẽ được cổ phần hóa trong năm 2007 và 2008 là Vietcombank, MHB, Incombank, BIDV, Agribank, Tổng Công Ty Bảo hiểm Việt Nam, Mobifone, Vinaphone, Viettel, Habeco, Sabeco, Vinatex ... với tổng vốn điều lệ khoảng 130.000 tỷ đồng và ước tính tổng giá trị thị trường bán ra trong giai đoạn 2007 – 2008 trên 200.000 tỷ đồng.

Doanh nghiệp tư nhân

- Tính đến tháng 6/2006, cả nước có 165.000 doanh nghiệp tư nhân với nguồn vốn huy động ban đầu 320.000 tỷ đồng và vốn huy động bổ sung 105.000 tỷ đồng.
- Doanh nghiệp tư nhân ngày càng lớn mạnh, cải thiện quản trị doanh nghiệp, đại chúng hóa thông qua việc huy động vốn từ bên ngoài. Trong những năm gần đây, thị trường chứng kiến thành công của các doanh nghiệp tư nhân lớn của Việt Nam như Kinh Đô, Hoàng Anh Gia Lai, Mai Linh, Thiên Long, Vilube, Tôn Hoa Sen ... qua đó thể hiện sự lớn mạnh của các doanh nghiệp tư nhân Việt Nam.
- Xu hướng cổ phần hóa và tăng vốn của các doanh nghiệp tư nhân đang tạo ra nhiều cơ hội đầu tư rất lớn cho thị trường. Dự báo những năm sắp tới, giá trị vốn hóa thị trường của 5% doanh nghiệp lớn trong tổng số doanh nghiệp tư nhân ước khoảng 60.000 tỷ đồng.

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

- Nghị Định 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ban hành vào tháng 4/2003 đã tạo hành lang pháp lý cho việc chuyển đổi các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành công ty cổ phần. Trong hai năm 2004 và 2005, thị trường chứng kiến cổ phần hóa và niêm yết trên sàn chứng khoán của một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lớn như Taya, Taicera, Chang Yih, Tung Kuang ... Việc cổ

phần hóa và niêm yết cổ phiếu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài làm tăng tính phong phú và tạo thêm sinh khí cho thị trường chứng khoán.

- Với hơn 7.300 doanh nghiệp có vốn đầu tư thực hiện hơn 37 tỷ USD cho đến nay, nguồn vốn cổ phần hóa từ các doanh nghiệp này sẽ tạo cơ hội đầu tư lớn trong thời gian tới.

4. Nhu cầu vốn

Đứng trước những cơ hội đầu tư rất rõ ràng trong khi nguồn vốn còn lại để thực hiện đầu tư còn rất hạn chế và các khoản đầu tư chưa đến thời điểm thích hợp để thanh toán. Do vậy, việc tăng vốn điều lệ của Quỹ đầu tư VF1 vào đầu năm 2007 là rất cần thiết nhằm nắm bắt cơ hội đầu tư trên thị trường.

Số vốn điều lệ dự kiến huy động thêm cho Quỹ đầu tư VF1 là 500 tỷ đồng.

5. Phương án sử dụng vốn

a. Mục tiêu đầu tư

Việc tăng vốn nhằm mục tiêu quan trọng nhất là xây dựng được một danh mục đầu tư cân đối và đa dạng nhằm tối ưu hóa lợi nhuận, tối thiểu hóa các rủi ro cho nguồn vốn đầu tư của quỹ. Số vốn tăng thêm từ việc huy động này sẽ được sử dụng để tăng cường đầu tư vào vào các dự án tốt, có khả năng tăng trưởng mạnh trong tương lai, đặc biệt là các công ty lớn/tổng công ty sẽ cổ phần hóa trong 2007 – 2008.

b. Chính sách đầu tư

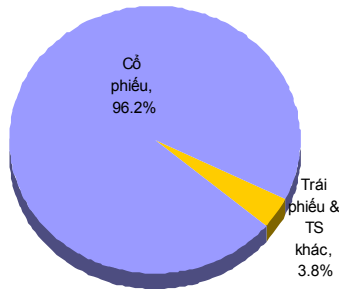
Cơ cấu tài sản

Quỹ đầu tư VF1 là loại hình quỹ đầu tư chứng khoán cho nên phần lớn các thương vụ đầu tư sẽ được tập trung vào các loại chứng khoán đang và sẽ niêm yết trên TTCK Việt Nam. Nhằm tận dụng những cơ hội đầu tư tạo ra sự tăng trưởng cho danh mục, khoảng 95% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các loại chứng khoán đang và sẽ niêm yết, phần còn lại sẽ được đầu tư vào các loại tài sản khác như các công cụ tiền tệ, tiền mặt dự trữ. Theo quy định hiện hành, Quỹ đầu tư VF1 không đầu tư quá 10% tổng tài sản của Quỹ đầu tư VF1 vào bất động sản.

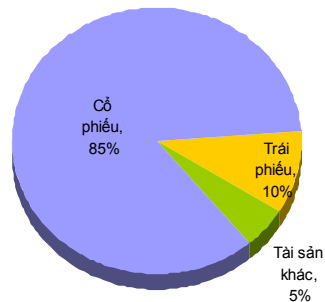
Với số vốn tăng thêm trong đợt này ước tính khoảng 2.000 tỷ đồng, Quỹ đầu tư VF1 sẽ tận dụng cơ hội thị trường để đầu tư chủ yếu vào các loại cổ phiếu và trái phiếu nhằm tối ưu hóa danh mục đầu tư cân bằng. Cơ cấu đầu tư chi tiết cho tổng vốn huy động của quỹ VF1 được dự kiến phân bổ như sau:

	Cơ cấu tài sản vào ngày 31/12/2006		Cơ cấu tài sản dự kiến		
	Tỷ lệ (%)	Quy mô đầu tư (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)	Quy mô đầu tư (tỷ đồng)	Số vốn giải ngân thêm (tỷ đồng)
Cổ phiếu	96,2	1.505	85	3.029	1.524
Trái phiếu và tài sản khác	3,8	59	15	535	476
Tổng cộng	100,0	1.564	100	3.564	2.000

**Cơ cấu tài sản Quỹ đầu tư VF1 hiện nay
(31/12/06)**



Cơ cấu tài sản dự kiến



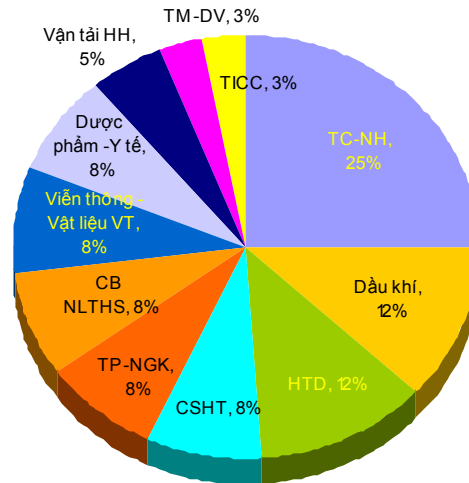
- Trái phiếu: Các loại trái phiếu Chính phủ, trái phiếu địa phương và trái phiếu công ty có lãi suất cao, rủi ro thấp. Danh mục trái phiếu phải vừa phục vụ cho mục đích cân bằng danh mục đầu tư nhưng cũng đảm bảo tính linh hoạt nhằm nắm bắt những cơ hội đầu tư.
- Cổ phiếu: Các cổ phiếu đang và sẽ niêm yết/đăng ký giao dịch trên sàn chứng khoán Việt Nam, tập trung hơn với các loại cổ phiếu chưa niêm yết. Quỹ đầu tư VF1 chú trọng đầu tư vào các công ty cổ phần hóa có vốn lớn, hoạt động hiệu quả và có chủ trương niêm yết rõ ràng thông qua các cơ hội cổ phần hóa 1.500 doanh nghiệp nhà nước trong tổng số 2.176 doanh nghiệp với tổng vốn 260.000 tỷ đồng đang được Chính phủ đẩy mạnh, tập trung nhiều nhất vào hai năm 2007 và 2008. Các doanh nghiệp lớn sẽ được cổ phần hóa trong năm 2007 và 2008 là Vietcombank, BIDV, Incombank, Agribank, Ngân hàng Phát triển nhà ĐBSCL, Tổng Công Ty Bảo hiểm Việt Nam, Mobifone, Vinaphone, Viettel, Tổng Công Ty Bia Rượu Nước Giải Khát Hà Nội (Habeco), Tổng Công Ty Bia Rượu Nước Giải Khát Sài Gòn (Sabeco), Tổng Công Ty Dệt May ... với tổng vốn điều lệ khoảng 130.000 tỷ đồng với tổng giá trị thị trường bán ra trong giai đoạn 2007 – 2008 ước tính trên 200.000 tỷ đồng
- Tài sản khác: tiền mặt, các công cụ tiền tệ ngắn hạn nhằm tạo sự linh hoạt, nắm bắt cơ hội thị trường.

Lĩnh vực, ngành nghề dự định đầu tư

Quỹ đầu tư VF1 sẽ tập trung đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề có tiềm năng tăng trưởng cao, đặc biệt chú trọng đến những công ty và tổng công ty cổ phần hóa trong thời gian tới đang được đẩy mạnh bởi Chính phủ như:

- Tài chính ngân hàng;
- Dầu khí;
- Viễn thông – vật liệu viễn thông;
- Dược phẩm – y tế và giáo dục;
- Hàng tiêu dùng;
- Thực phẩm – nước giải khát;
- Chế biến nông lâm thủy hải sản;

Cơ cấu ngành nghề đầu tư dự kiến của Quỹ đầu tư VF1



Tuy nhiên, tùy theo chiến lược đầu tư trong từng giai đoạn, cơ cấu cũng như loại hình ngành nghề có thể có thay đổi nhằm đạt được mức tăng trưởng cao cho danh mục đầu tư.

Ngành nghề đầu tư	Cơ cấu danh mục cổ phiếu vào ngày 31/12/2006		Cơ cấu danh mục cổ phiếu dự kiến		
	Giá trị đầu tư (tỷ đ)	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ (%)	Quy mô đầu tư (tỷ đ)	Giá trị đầu tư thêm (tỷ đ)
Tài chính - Ngân hàng	392	26,1	25,0	757	365
Dầu khí	178	11,9	12,0	364	186
Hàng tiêu dùng	177	11,8	12,0	364	187
Cơ sở hạ tầng	167	11,1	8,0	242	75
Thực phẩm - Nước giải khát	150	9,9	8,0	242	92
Chế biến nông lâm thủy hải sản	128	8,5	8,0	242	114
Vật liệu viễn thông	97	6,4	8,0	242	145
Dược phẩm-Y tế	95	6,3	8,0	242	147
Vận tải hàng hóa	84	5,5	5,0	151	67
Thương mại - Dịch vụ	21	1,4	3,0	90	69
Tiện ích công cộng	16	1,0	3,0	90	74
Tổng cộng	1.505	100	100	3.029	1.524

Ngoài việc tăng thêm quy mô nhằm đảm bảo tỷ lệ đầu tư vào ngành chủ lực như hàng tiêu dùng, thực phẩm – nước giải khát, tài chính – ngân hàng, Quỹ đầu tư VF1 sẽ chủ động giảm tỷ lệ đầu tư vào các ngành có tốc độ tăng trưởng thấp và tái đầu tư vào các ngành có tiềm năng phát triển cao hơn như viễn thông, dầu khí, giáo dục - dược phẩm – y tế, du lịch – khách sạn, thương mại – dịch vụ... Quỹ đầu tư VF1 chú trọng vào các công ty cổ phần hóa có vốn lớn, hoạt động hiệu quả và có chủ trương niềm yết rõ ràng.

Song song với quá trình đầu tư, Quỹ đầu tư VF1 còn hỗ trợ các đơn vị tái cơ cấu về mặt tài chính, phát triển hệ thống quản trị, nâng cao năng lực cạnh tranh... nhằm làm gia tăng giá trị của chính các công ty này và vì thế gia tăng về mặt giá trị các khoản đầu tư của Quỹ.

6. Phương thức tăng vốn

Việc tăng vốn được thực hiện thông qua việc phát hành thêm chứng chỉ quỹ đầu tư VF1.

Loại chứng khoán phát hành: Chứng chỉ quỹ đầu tư

Mệnh giá: 10.000 đồng

Tổng số chứng chỉ quỹ phát hành: 50.000.000 đơn vị quỹ

Trong đó:

- Phát hành toàn bộ chứng chỉ quỹ cho người đầu tư hiện hữu tại thời điểm chốt danh sách theo thông báo của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM.

Giá phát hành:

- Giá phát hành sẽ quyết định dựa trên cơ sở tham chiếu là giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ đầu tư VF1 được công bố tại tuần có ngày chốt danh sách hưởng quyền và được chiết khấu tối đa 30% so với NAV được công bố.
- Giá phát hành của đợt tăng vốn được xác định theo công thức sau:

$$G = NAV_t - X\% * NAV_t$$

Trong đó:

- G là giá phát hành của đợt tăng vốn;
- NAV_t là giá trị tài sản ròng hàng tuần của quỹ được công bố tại tuần có ngày chốt danh sách hưởng quyền.
- X% là tỷ lệ phần trăm chiết khấu so với giá trị tài sản ròng (NAV) của quỹ được công bố tại tuần có ngày chốt danh sách hưởng quyền.
- Phí phát hành 2%/mệnh giá/đơn vị quỹ sẽ được áp dụng cho tất cả người đầu tư tham gia trong đợt tăng vốn.
- Giá phát hành này cũng sẽ được áp dụng cho các đơn vị bảo lãnh phát hành trong trường hợp số lượng chứng chỉ quỹ dư do không được người đầu tư mua hết theo quyền mua của đợt tăng vốn sau kết thúc thời hạn đóng tiền.

Phương thức phân phối:

- Việc phân phối chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 sẽ được thực hiện theo nguyên tắc phát hành cho người đầu tư hiện hữu của Quỹ đầu tư VF1 tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua theo thông báo của TTGDCK Tp. HCM.
- Phân phối theo hình thức thực hiện quyền mua. Người đầu tư sở hữu 01 (một) đơn vị quỹ tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền sẽ được quyền mua 01 (một) đơn vị quỹ phát hành thêm.

Thực hiện phân phối: Phân phối 50.000.000 đơn vị quỹ phát hành thêm cho người đầu tư hiện hữu.

- Người đầu tư sẽ được hưởng quyền mua chứng chỉ quỹ, cụ thể mỗi người đầu tư sở hữu 01 (một) đơn vị quỹ tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền sẽ được quyền mua 01 (một) đơn vị quỹ phát hành thêm. Quyền mua chứng chỉ quỹ được phân phối theo danh sách người đầu tư sở hữu chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua thêm chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 do TTGDCK Tp. HCM cung cấp. Việc phân phối chứng chỉ quỹ phát hành thêm cho người đầu tư tham gia trong đợt tăng vốn này được thực hiện theo quy trình của TTGDCK Tp. HCM quy định.

- Ngày chốt quyền sẽ là ngày do Ban đại diện Quỹ đầu tư VF1 và công ty VFM đề nghị và được TTGDCK Tp. HCM chấp thuận. Ngày chốt quyền sẽ được thông báo tới người đầu tư và công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- Người đầu tư tham gia trong đợt tăng vốn sẽ được thông báo số lượng quyền mua được hưởng và được phép chuyển nhượng quyền mua chứng chỉ quỹ được hưởng trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc theo thông báo của TTGDCK Tp. HCM.
- Người đầu tư tham gia trong đợt tăng vốn sẽ tiến hành đăng ký mua và nộp tiền thanh toán cho số lượng đơn vị quỹ được quyền mua trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc theo thông báo về việc tăng vốn của Quỹ đầu tư VF1 từ TTGDCK Tp. HCM. Việc đăng ký và nộp tiền thanh toán sẽ được thực hiện tại các thành viên lưu ký tại TTGDCK Tp. HCM.

Chứng chỉ quỹ dư

- Chứng chỉ quỹ dư là số chứng chỉ quỹ còn lại do không được người đầu tư mua hết theo quyền mua được hưởng của đợt tăng vốn. Số chứng chỉ quỹ dư này chỉ được xác định sau khi kết thúc thời hạn nộp tiền thanh toán quyền mua của đợt tăng vốn. Chứng chỉ quỹ dư cũng bao gồm các chứng chỉ quỹ lẻ đã không được phân phối để đảm bảo tuân thủ quy định về mức giao dịch tối thiểu là 1 lô bằng 10 đơn vị.
- Nhằm đảm bảo cho sự thành công của đợt tăng vốn, số lượng chứng chỉ quỹ dư sẽ được phân phối toàn bộ cho các đơn vị bảo lãnh phát hành đã được Ban đại diện chọn và chỉ định công ty quản lý quỹ ký kết hợp đồng bảo lãnh phát hành. Các đơn vị bảo lãnh phát hành được quyền thực hiện việc chào bán riêng lẻ số chứng chỉ quỹ dư này cho nhà đầu tư của mình hoặc mua lại cho công ty mình.

Thời gian triển khai & phân phối dự kiến:

Thời gian phân phối dự kiến trong vòng 30-40 ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp giấy phép phát hành.

Công ty quản lý quỹ VFM sẽ tiến hành hoàn tất các thủ tục niêm yết theo quy định cho tổng số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong đợt tăng vốn này tại TTGDCK Tp. HCM ngay sau khi kết thúc đợt tăng vốn.

Tiến độ các bước công việc kể từ ngày được cấp Giấy phép phát hành như sau:

STT	Công việc	Tuần							
		1	2	3	4	5	6	7	8
1	Công bố thông tin trên báo chí.	■							
2	Thông báo chốt danh sách người đầu tư sở hữu cuối cùng chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 được quyền mua trong đợt tăng vốn.	■							
3	Nhận danh sách người đầu tư sở hữu cuối cùng chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 được quyền mua trong đợt tăng vốn từ TTGDCK Tp. HCM.		■						
4	Phân bổ và thông báo quyền mua chứng chỉ quỹ.			■					
5	Người đầu tư hiện hữu tham gia đợt tăng vốn chuyển nhượng, đăng ký và nộp tiền mua chứng chỉ quỹ phát hành thêm.			■	■				
7	Thành viên lưu ký báo cáo và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa của Quỹ đầu tư VF1.					■			
8	Ban đại diện xử lý số lượng chứng chỉ quỹ dư/ phân phối cho đơn						■		

STT	Công việc	Tuần							
		1	2	3	4	5	6	7	8
	vị bảo lãnh phát hành.								
9	Báo cáo kết quả phát hành.								
10	Hoàn tất thủ tục niêm yết bổ sung.								
11	Lưu ký và giao dịch chứng chỉ quỹ phát hành thêm.								

Địa điểm cung cấp tài liệu về đợt tăng vốn:

- Trụ sở Công ty Liên doanh Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Việt Nam
Lầu 8 Tòa nhà Bitexco, 19-25 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. HCM
- Chi nhánh Công ty Liên doanh Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Việt Nam tại Hà Nội
Tầng 7, Tòa nhà Sacombank, 88 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Một số lưu ý trong đợt tăng vốn:

- Giới hạn nắm giữ của người nước ngoài: Tỷ lệ sở hữu của người nước ngoài giới hạn tối đa là 49% tổng số chứng chỉ quỹ lưu hành theo quy định tại Quyết định 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/09/2005 của Thủ tướng Chính phủ hoặc theo quyết định mới nhất của Chính phủ về tỷ lệ nắm giữ tối đa của nhà đầu tư nước ngoài.
- Xử lý chứng chỉ quỹ lẻ: Đối với số chứng chỉ quỹ lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền sẽ được xử lý để đảm bảo tuân thủ quy định về mức giao dịch tối thiểu là 1 lô bằng 10 chứng chỉ, số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm mà nhà đầu tư sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn đến hàng chục và không vượt quá số lượng phát hành, toàn bộ số chứng chỉ lẻ sẽ được làm tròn xuống đến hàng chục.

V. CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN KHÁC

1. Các khoản phí, thường

1.1 Phí phát hành

Người đầu tư hiện hữu phải trả một lần phí phát hành trong đợt tăng vốn điều lệ Quỹ đầu tư VF1 được nêu trong Bản cáo bạch này.

Phí phát hành là 2%/mệnh giá/đơn vị quỹ.

1.2 Phí thường niên

a. Phí quản lý quỹ

Phí quản lý quỹ là 2%/giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VF1/năm và được thanh toán hàng tháng, phí này được trả cho Công ty quản lý Quỹ VFM để thực hiện các dịch vụ quản lý đầu tư cho Quỹ đầu tư VF1.

Phí quản lý này có thể thay đổi và không vượt quá mức tối đa là 2%/giá trị tài sản ròng/năm.

Công thức tính phí quản lý được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ 2\% phí quản lý (năm)/12 tháng} \times \text{NAV ngày cuối tháng}$$

Trong trường hợp ngày giải ngân của số vốn mới huy động không tròn tháng thì phí quản lý sẽ được tính vào tháng kế tiếp, nghĩa là sẽ không tính phí quản lý trên số vốn điều lệ mới tăng thêm không tròn tháng.

b. Phí lưu ký và giám sát:

Căn cứ theo Hợp đồng giám sát tài sản Quỹ đầu tư VF1 được ký giữa Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam và Công ty LD Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam vào ngày 24 tháng 04 năm 2004.

Phí giám sát

Trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày ký hợp đồng giám sát là 0,12% của tổng giá trị tài sản ròng/năm. Cách tính phí giám sát hàng tháng tương ứng với cách tính phí quản lý.

Từ năm thứ 04 hai bên sẽ thống nhất mức phí giám sát áp dụng cho năm tiếp theo trước ngày 31/12 hàng năm

Phí giám sát được trả hàng tháng, phí này được trả cho ngân hàng giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát.

Công thức tính phí giám sát được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ \% phí giám sát (năm) /12 tháng} \times \text{NAV ngày cuối tháng}$$

Phí lưu ký

Miễn phí lưu ký cổ phiếu, trái phiếu trong năm đầu tiên kể từ ngày ký hợp đồng giám sát.

Phí lưu ký sẽ tương ứng với mức phí theo quy định của UBCKNN hoặc TTGDCK.

Các tài sản khác sẽ thu theo chi phí thực tế phát sinh do bên thứ ba (nếu có) thu của Ngân Hàng Giám Sát cho các tài sản của VF1 lưu ký tại Ngân hàng Giám sát.

1.3 Phí khác

Các chi phí khác của Quỹ gồm:

- i. Phí môi giới hợp lý, hợp lệ liên quan đến các giao dịch tài sản Quỹ;
- ii. Thuế, phí và lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
- iii. Tiền vay phải trả đối với các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật;

- iv. Các chi phí liên quan đến việc kiểm toán Quỹ;
- v. Các chi phí liên quan đến việc tư vấn luật cho Quỹ;
- vi. Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
- vii. Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của Người đầu tư;
- viii. Chi phí liên quan đến việc tổ chức, triệu tập họp Đại hội Người đầu tư và Ban đại diện không theo yêu cầu hoặc không vì quyền lợi của Công ty quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát;
- ix. Các chi phí liên quan đến việc in ấn, bố cáo, thông tin các hoạt động liên quan đến Quỹ, phát hành Bản cáo bạch nếu phát hành thêm chứng chỉ Quỹ;
- x. Thù lao cho Ban đại diện Quỹ;
- xi. Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện Quỹ quyết định;

Tổng cộng các khoản phí gồm phí giám sát, lưu ký và các phí khác nêu trên không vượt quá 1%/giá trị tài sản ròng của quỹ/năm.

1.4 Thường hoạt động

Công ty quản lý quỹ VFM có thể nhận được từ Quỹ đầu tư VF1, ngoài phí quản lý, một khoản thưởng khác gọi là thưởng hoạt động. Thưởng hoạt động được trích từ thu nhập thực tế của Quỹ đầu tư trong năm tính thưởng, thưởng hoạt động phải nhỏ hơn thu nhập thực tế đó của Quỹ đầu tư.

Thưởng hoạt động chỉ được trả cho công ty VFM nếu tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VF1 do công ty VFM quản lý cao hơn chỉ số căn bản (sẽ được diễn giải dưới đây). Khoản thưởng hoạt động mà công ty VFM sẽ nhận được bằng 15% của Li (sẽ diễn giải dưới đây) trong năm tài chính.

Tỷ lệ tăng trưởng = V_i / V_{i-1}

Chỉ số căn bản = $I_i + 2\%$

$$L_i = V_i - \{V_{i-1} \times [100\% + (I_i + 2\%)] + N \times [100\% + (I_i + 2\%) \times d/365]\}$$

Trong đó:

- L_i : khoản liên quan theo đó khoản thưởng hoạt động hàng năm được tính.
- V_i : là giá trị tài sản ròng của các khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm i cộng với các khoản cổ tức quỹ chia trong năm.
- V_{i-1} : là giá trị tài sản ròng của các khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm $(i - 1)$.
- N : số tiền thu được từ đợt phát hành trong năm i
- d : số ngày tính từ thời điểm số vốn huy động mới được phép giải ngân đến ngày 31 tháng 12 của năm i .
- I_i : Lãi suất trái phiếu Chính phủ thời hạn 10 năm do Nhà nước Việt Nam phát hành hoặc được giao dịch trên TTCK Việt Nam với khối lượng đủ lớn vào thời điểm gần nhất so với lúc định giá. Nếu không có lãi suất của trái phiếu Chính phủ thời hạn 10 năm thì lấy lãi suất của trái phiếu có thời hạn dài nhất tương đương có thể. Trong trường hợp chênh lệch giữa lãi suất phát hành và lãi suất giao dịch trên TTCK lớn hơn 1% thì lãi suất dùng để định giá là trung bình của hai lãi suất kể trên.

Ví dụ:

V_{i-1} = 380 tỷ đồng

V_i = 700 tỷ đồng

I_i = 10%

N = 240 tỷ đồng

Ngày số vốn huy động mới được phép giải ngân là 20/05/200i => d = 226 ngày

Như vậy,

$$\begin{aligned}L_i &= 700 - \{380 \times [100\% + (10\% + 2\%)] + 240 \times [100\% + (10\% + 2\%) \times 226/365]\} \\ &= 16,57 \text{ tỷ đồng}\end{aligned}$$

Thưởng hoạt động trong năm i = 15% x 16,57 tỷ = 2,49 tỷ đồng

2. Phương pháp định giá Giá trị tài sản ròng (NAV)

2.1 Thời gian thực hiện việc định giá

Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VF1 do Công ty quản lý quỹ thực hiện và phải có xác nhận của Ngân hàng giám sát về việc tuân thủ quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Điều lệ Quỹ.

2.2 Nguyên tắc thực hiện việc định giá Giá trị tài sản ròng (NAV)

Giá trị tài sản ròng (NAV): là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ đầu tư VF1 sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan (như phí môi giới, phí lưu ký, phí hành chính, phí định giá, lãi vay ngân hàng (nếu có)...) tại thời điểm định giá.

Giá trị đơn vị quỹ

$$V = \frac{NAV}{N}$$

Trong đó:

- V: giá trị đơn vị quỹ

N: tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành

3. Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận

3.1 Phương pháp tính thu nhập

Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động của Quỹ đầu tư VF1 trong năm được xác định từ 2 nguồn chính:

Lợi nhuận/(Lỗ) thực hiện ròng: Là kết quả thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư đã thực hiện trong năm sau trừ đi các khoản chi phí theo quy định.

Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư đã thực hiện bao gồm:

- Cổ tức của các loại cổ phiếu,
- Lợi tức của trái phiếu,
- Lãi tiền gửi ngân hàng,
- Lợi nhuận của việc thanh toán các khoản đầu tư.

Các khoản chi phí được phép khấu trừ bao gồm:

- Chi phí quản lý quỹ và thưởng hoạt động trả cho công ty quản lý quỹ
- Phí giám sát, quản lý tài sản quỹ trả cho ngân hàng giám sát
- Chi phí hội họp, đại hội
- Chi phí kiểm toán báo cáo hoạt động của quỹ
- Chi phí hoạt động khác

Lợi nhuận/(Lỗ) chưa thực hiện: Là kết quả chênh lệch từ việc đánh giá lại các khoản đầu tư của quỹ tại thời điểm lập báo cáo và cổ tức chưa thực hiện.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ VF1

A. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN

I. Thu nhập hoạt động đầu tư đã thực hiện	1+2+3+4
1. Cổ tức được nhận	
2. Lãi trái phiếu được nhận	
3. Lãi tiền gửi	
4. Thu nhập bán chứng khoán	
II. Chi phí	1+2+3+4+5
1. Chi phí quản lý quỹ và thưởng hoạt động	
2. Phí giám sát, quản lý tài sản quỹ	
3. Chi phí hội họp, đại hội	
4. Chi phí kiểm toán	
5. Chi phí hoạt động khác	
III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện trong năm	I-II

B. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ CHƯA THỰC HIỆN

I. Thu nhập	1+2
1. Thu nhập đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán	
2. Cổ tức chưa thực hiện	
II. Chi phí	1
1. Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư	
III. Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện trong năm	I-II
LỢI NHUẬN/(LỖ) TRONG NĂM	A+B

3.2 Kế hoạch phân chia lợi nhuận

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm của Quỹ đầu tư VF1, việc phân chia lợi nhuận quỹ sẽ được Đại hội người đầu tư hàng năm thông qua dưới sự đề xuất của Ban đại diện quỹ.

4. Giao dịch chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ VF1 phát hành thêm sẽ được niêm yết ngay sau khi được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Do vậy, việc chuyển nhượng chứng chỉ quỹ VF1 sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Do là quỹ đầu tư dạng đóng nên Quỹ đầu tư VF1 và Công ty quản lý quỹ VFM sẽ không chịu trách nhiệm mua lại chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 đã phát hành từ nhà đầu tư.

5. Trường hợp ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ

Kết thúc thời hạn hoạt động của quỹ như trong Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam mà không có quyết định gia hạn của Đại hội người đầu tư hoặc kết thúc hoạt động trước thời hạn theo quyết định của Đại hội người đầu tư.

Giá, khối lượng giao dịch chứng chỉ quỹ có biến động bất thường.

Vi phạm nghiêm trọng về công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Hoạt động kinh doanh của quỹ VF1 bị thua lỗ trong 02 năm liên tiếp.

Trường hợp UBCKNN, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán thấy cần thiết để bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư hoặc đảm bảo hoạt động ổn định của thị trường.

6. Xung đột về lợi ích giữa quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác

Công ty quản lý quỹ cũng sẽ gặp phải những xung đột nhất định về lợi ích giữa các quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác do công ty quản lý điều hành. Tuy nhiên, việc kiểm soát những xung đột này là hoàn toàn có thể thực hiện được dựa trên những điểm sau:

- 1) Các quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác do cùng một công ty quản lý quỹ điều hành có những điểm tách biệt như:
 - a. Cơ cấu tổ chức nhân sự hoạt động;
 - b. Các tiêu chí và chiến lược đầu tư;
 - c. Không được phép sử dụng vốn và tài sản của một quỹ này đầu tư vào một quỹ khác và ngược lại.
- 2) Khi xảy ra sự xung đột trong đầu tư giữa các Quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác thì việc đầu tư sẽ được giải quyết trên cơ sở như sau:
 - a. Dựa trên danh mục đầu tư đã định cho từng quỹ đầu tư;
 - b. Các quy định về tỷ lệ đầu tư tối đa vào một ngành của các quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác;
 - c. Theo tỷ lệ phần trăm về quy mô nguồn vốn của quỹ còn lại chưa đầu tư của quỹ và các sản phẩm tài chính khác.

7. Chế độ báo cáo

Công ty quản lý Quỹ có trách nhiệm báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của quỹ đầu tư và các báo cáo cần thiết để tường trình hoạt động của Quỹ đầu tư.

1) Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn.

Các bản sao các báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ đầu tư phải gửi đến từng thành viên Ban đại diện Quỹ và đến mỗi người đầu tư của Quỹ đầu tư.

Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về báo cáo tài chính.

2) Báo cáo khác.

Công ty quản lý quỹ VFM phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về công bố thông tin và các báo cáo hoạt động kinh doanh của Quỹ đầu tư VF1

VI. CÁC YẾU TỐ RỦI RO

Việc đầu tư vào một quỹ sẽ không được bất kỳ ngân hàng hoặc sự cam kết bảo lãnh bởi bất kỳ một tổ chức nào, không có bất kỳ sự cam kết chắc chắn nào quỹ sẽ đạt được những mục tiêu đầu tư đã đề ra.

Đầu tư vào quỹ đầu tư chứng khoán có nghĩa là nhắm vào mục tiêu tạo ra những khoản thu nhập sau một khoảng thời gian dài. Các nhà đầu tư không nên kỳ vọng thu được các khoản thu nhập trong ngắn hạn từ hoạt động đầu tư này.

Dưới đây là những rủi ro chủ yếu mà nhà đầu tư nên quan tâm khi đầu tư vào Quỹ đầu tư VF1 và đây không phải là toàn bộ những rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào quỹ.

1. Rủi ro hệ thống

Khi nền kinh tế rơi vào khủng hoảng, thị trường tài chính nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng là nơi bị ảnh hưởng trực tiếp. Điều này sẽ tác động đến hiệu quả của các khoản đầu tư của Quỹ đầu tư VF1. Trong những năm vừa qua với những chính sách điều hành vĩ mô hợp lý, nền kinh tế Việt Nam tương đối ổn định, ít biến động so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

2. Rủi ro về lãi suất thị trường

Rủi ro này phát sinh khi lãi suất thị trường tăng thì những khoản đầu tư có thu nhập cố định của quỹ như: trái phiếu công ty, trái phiếu Chính phủ, cổ phiếu ưu đãi cổ tức... sẽ bị giảm giá trị, đặc biệt là những khoản đầu tư có thời gian đáo hạn dài.

Lãi suất thị trường của Việt Nam đã được thả nổi từ nhiều năm nay, tuy nhiên với chính sách điều hành thị trường tiền tệ một cách hợp lý nên lãi suất thị trường nhìn chung là biến động nhẹ và không xáo trộn nhiều đến hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư VF1 trong thời gian vừa qua.

3. Rủi ro về mất khả năng thanh toán

Rủi ro này liên quan đến việc tổ chức phát hành hoặc người đảm bảo thanh toán cho đợt tăng vốn của các loại chứng khoán nợ bị mất khả năng thanh toán tại thời điểm đáo hạn và do vậy không thể thanh toán cho quỹ các khoản lãi cũng như nợ gốc.

Tại Việt Nam hiện nay chưa hình thành các tổ chức tài chính trung gian chịu trách nhiệm đánh giá hạn mức tín nhiệm của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế. Do vậy, để hạn chế rủi ro này, ngoài việc áp dụng danh mục đầu tư đa dạng hóa, Quỹ đầu tư VF1 chủ yếu đầu tư vào các loại trái phiếu Chính phủ, trái phiếu địa phương, trái phiếu công ty... có độ an toàn về khả năng thanh toán.

4. Rủi ro về tính thanh khoản

Quỹ đầu tư VF1 đầu tư tỷ trọng đáng kể trong tổng tài sản vào các doanh nghiệp cổ phần hoá và các doanh nghiệp cổ phần trong khi tại Việt Nam chưa hình thành sàn giao dịch chính thức dành cho cổ phiếu chưa niêm yết. Do vậy, việc thanh toán các khoản đầu tư sẽ gặp khó khăn khi tính thanh khoản của cổ phiếu thấp và do vậy ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động chung của quỹ. Để hạn chế rủi ro này, Quỹ đầu tư VF1 tập trung đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp tốt, có thương hiệu, quy mô vốn lớn, hoạt động hiệu quả và có triển vọng niêm yết trên thị trường chứng khoán trong tương lai gần.

Đối với nhà đầu tư của Quỹ đầu tư VF1, thị trường thiếu tính thanh khoản có thể ảnh hưởng đến giá giao dịch của chứng chỉ quỹ. Tuy nhiên, chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 là chứng khoán niêm yết và phần vốn điều lệ tăng thêm của Quỹ đầu tư VF1 cũng sẽ được niêm yết ở Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sẽ giảm bớt một phần rủi ro này.

5. Rủi ro đầu tư tập trung

Quỹ đầu tư VF1 có thể đầu tư trên 5% giá trị tài sản vào một khoản đầu tư để nắm bắt những cơ hội đầu tư, do đó, có thể phát sinh những rủi ro liên quan đến việc đầu tư tập trung này. Tuy nhiên, Quỹ đầu tư VF1 đầu tư vào các loại tài sản khác nhau thuộc ngành nghề khác nhau, áp dụng tháp danh

mục cân bằng và các hạn chế về tỷ lệ đầu tư quy định bởi các văn bản pháp quy về hoạt động của quỹ đầu tư công chúng và bởi điều lệ hoạt động của Quỹ đầu tư VF1, vì vậy, việc rủi ro liên quan đến một khoản đầu tư sẽ không ảnh hưởng quá lớn đến tổng giá trị tài sản của quỹ.

6. Rủi ro cạnh tranh

Cũng giống như những ngành nghề kinh doanh khác, Quỹ đầu tư VF1 cũng sẽ chịu sự cạnh tranh trực tiếp từ các cá nhân, tổ chức đầu tư và các quỹ đầu tư khác. Chính sự cạnh tranh này sẽ làm giảm những cơ hội đầu tư hấp dẫn cũng như làm giảm hiệu quả đầu tư. Tuy nhiên, với sự hỗ trợ của hai đối tác có nhiều kinh nghiệm của VFM là Dragon Capital Management và Ngân hàng Sacombank là một lợi thế rất lớn trong việc giúp Quỹ đầu tư VF1 tiếp cận các cơ hội đầu tư hấp dẫn cũng như làm giảm sức cạnh tranh so với các nhà đầu tư khác.

7. Rủi ro về chính sách, luật pháp

Lĩnh vực hoạt động của Quỹ đầu tư VF1 là một lĩnh vực nhạy cảm và có ảnh hưởng rất lớn đến TTCK cũng như nền kinh tế xã hội. Vì vậy, ngoài những văn bản quy phạm pháp luật chung của Nhà nước nhưng Luật chứng khoán thì hoạt động của Quỹ đầu tư VF1 còn được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản dưới luật của UBCKNN.

Do vậy việc thay đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật từ UBCKNN sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của Quỹ đầu tư VF1. Tuy nhiên với tình hình tài chính minh bạch, kinh nghiệm quản trị - điều hành - kiểm soát được đúc kết qua một thời gian hoạt động và niềm yết tại Trung tâm Giao dịch TP.HCM, Quỹ đầu tư VF1 sẽ thích ứng nhanh với những thay đổi và bổ sung này.

8. Rủi ro quản lý

Rủi ro này phát sinh từ việc quản lý của công ty quản lý quỹ. Hậu quả của rủi ro này là việc đầu tư của quỹ không đạt được các mục tiêu đã đề ra. Để giảm thiểu loại rủi ro này, Công ty quản lý quỹ sẽ áp dụng các phương pháp quản trị doanh nghiệp tiên tiến, tuyển dụng nhân sự có trình độ chuyên môn cao và việc phân cấp đầu tư một cách rõ ràng với việc thành lập Hội đồng đầu tư có sự tham dự của các thành viên lãnh đạo cấp cao nhất của Công ty quản lý quỹ. Bên cạnh đó, sự giám sát chặt chẽ của Ngân hàng Giám sát cũng sẽ giúp giảm thiểu rủi ro quản lý cho việc đầu tư của Quỹ đầu tư VF1.

9. Rủi ro về sự giảm sút giá trị tài sản ròng (NAV) của quỹ

Rủi ro này phát sinh chủ yếu do sự giảm giá của các loại cổ phiếu trên thị trường không chính thức (OTC) và cổ phiếu trên thị trường chính thức mà Quỹ đầu tư VF1 đầu tư. Khi đó NAV của quỹ sẽ bị giảm sút và ảnh hưởng trực tiếp đến thị giá của chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 trên thị trường. Với danh mục đầu tư cân bằng của Quỹ đầu tư VF1, cộng với việc Quỹ tham gia đầu tư vào các loại cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng, hoạt động hiệu quả thì việc giảm sút NAV có thể được hạn chế.

10. Rủi ro về biến động NAV và giá giao dịch chứng chỉ quỹ sau đợt tăng vốn

Do tác động của việc phát hành chứng chỉ quỹ bằng mệnh giá khi tăng vốn, giá trị tài sản ròng của quỹ sẽ suy giảm khi kết thúc đợt tăng vốn. Khi giá trị tài sản ròng của quỹ giảm sút sẽ có tác động đến giá giao dịch của chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 trên thị trường. Rủi ro sẽ xảy ra, đặc biệt đối với nhà đầu tư cá nhân khi mà thị giá chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 biến động tăng/giảm mạnh và nhà đầu tư cá nhân đầu tư với giá vốn cao hơn mức độ có thể sinh lời để nhận được quyền mua chứng chỉ quỹ từ đợt phát hành tăng vốn này. **Do vậy, nhằm mục đích bảo vệ cho các nhà đầu tư cá nhân tránh những biến động tăng/giảm thị giá chứng chỉ quỹ sau khi phát hành cùng với việc tăng/giảm giá bất thường của TTCK, Công ty quản lý quỹ VFM lưu ý nhà đầu tư cá nhân cần có sự cân nhắc thật kỹ lưỡng trước khi quyết định tham gia đầu tư vào Quỹ đầu tư VF1.**

VII. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC

Địa điểm phát hành chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1:

Công ty LD Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFM)

Trụ sở chính:

Lầu 8, Tòa nhà Bitexco, 19 – 25 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. HCM

Tel: 08-914 3393 Fax: 08-914 3392

Chi nhánh tại Hà Nội:

Tầng 7, Tòa nhà Sacombank, 88 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: 04-942 8168 Fax: 04-942 8169